TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2018/DS-ST
Ngày 04/9/2018
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị H
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn L
Bà Bùi Thị T
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Thị Hồng T – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích T – Kiểm sát viên.

Ngày 04/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2012/TLST-DS ngày 13/7/2012 về tranh chấp về thừa kế tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXX-ST ngày 01/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T (chết) - Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị D – sinh năm 1955
Địa chỉ: 44/12/3 đường K, phường X, Tp.N, tỉnh Khánh Hòa
2. Ông Lê C – sinh năm 1957
Địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa
3. Ông Lê T – sinh năm 1960
Địa chỉ: 27 đường T, phường V, Tp.N, tỉnh Khánh Hòa
4. Bà Lê Thị Đ – sinh năm 1961
Địa chỉ: 17 H, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa
5. Bà Lê Thị H – sinh năm 1964
Địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa
6. Ông Lê H – sinh năm 1968
Địa chỉ: TDP 9, thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa
7. Bà Lê Thị H1 - sinh năm 1970
Địa chỉ: 50C Đ, phường P, Tp.N, Khánh Hòa
8. Bà Lê Thị H2 – sinh năm 1972

Địa chỉ: Bưu điện N, phường H, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa

9. Bà Lê Hòa B – sinh năm 1975

Địa chỉ: 53/22 Đ, phường A, quận B, Tp.HCM

Bà Lê Thị D, ông Lê T, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị H, ông Lê H, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H, bà Lê Hòa B ủy quyền cho ông Lê C, ông C có mặt.

10. Bà Lê Thị Ái L – sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn P, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

11. Ông Lê Công M – sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn P, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đặng Ngọc S – sinh năm 1946

Địa chỉ: Tổ dân phố 17, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Trần Thị Thanh T – sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 17, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa

Bà Trần Thị Thanh T ủy quyền cho ông Trần Đức Q, địa chỉ: Thôn B, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, ông Q có mặt.

2. Bà Dương Thị P – sinh năm 1940

Địa chỉ: 326/1 H, phường T, quận A, Tp.HCM

3. Bà Lê Hồng A – sinh năm 1958

Địa chỉ: 42B C, quận T, Tp.HCM

4. Ông Lê Hồng P – sinh năm 1960

Địa chỉ: 42B C, quận T, Tp.HCM

Bà Dương Thị P, bà Lê Hồng A, ông Lê Hồng P ủy quyền cho ông Lê C, ông C có mặt.

5. Ông Nguyễn Công Đ – sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

6. Bà Đặng Thị Ngọc T – sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Bà Đặng Thị Ngọc T ủy quyền cho ông Đặng Ngọc H; địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, ông H có mặt.

7. Ông Đặng Ngọc H – sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Thon T – sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2011, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người thừa kế quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn, là đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn và là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê C trình bày:

Ông Lê Kim T và bà Nguyễn Thị C là vợ chồng, sinh được 03 người con tên Lê Trung S, Lê Thị D, Lê Thị T. Tài sản ông T và bà C tạo lập là thửa đất số 272, tờ bản đồ 26 bản đồ địa chính xã B, có diện tích 730m^2 tại thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, trên đất có một căn nhà được xây dựng năm 1980.

Năm 1940, ông Lê Kim T chết, bà Nguyễn Thị C tái giá với người chồng khác sinh ra ông Đặng Ngọc S. Bà Lê Thị D chết năm 1949 (liệt sĩ). Ông Lê Trung S chết năm 1986, có vợ tên Dương Thị P và 02 con tên Lê Hồng A và Lê Hồng P.

Năm 1996, bà C lập giấy chuyển quyền sử dụng nhà và đất đối với thửa đất 272 nói trên cho ông Đặng Ngọc S. Vì đó là tài sản của ông T và bà C tạo lập nên việc bà C tự mình quyết định chuyển quyền sử dụng nhà và đất nói trên cho ông S là không đúng mà cần phải có sự đồng ý của vợ, các con ông S (bà P, bà A, ông P) và bà T.

Năm 2005, bà C chết. Ông T và bà C không để lại di chúc. Bà Lê Thị T yêu cầu chia thừa kế về tài sản đối với thửa đất số 272 nói trên theo quy định của pháp luật. Ngày 19/3/2016, bà T chết, bà T có chồng là Lê C (chết ngày 04/8/2016) và 10 người con là bà Lê Thị A, bà Lê Thị D, ông Lê C, ông Lê T, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị H, ông Lê H, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H2, bà Lê Hòa B. Bà Lê Thị A chết ngày 12/11/2014, bà Anh có 02 người con tên Lê Thị Ái L và Lê Công M.

Ông Lê C là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn, là đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn và là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế thửa đất số 272, tờ bản đồ 26 bản đồ địa chính xã B, có diện tích 730m^2 tại thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo quy định của pháp luật, ông không yêu cầu chia căn nhà trên diện tích đất nói trên.

- Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thị Ái L trình bày: Bà là cháu ngoại của bà Lê Thị T, trước đây, bà T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ số 26 do ông Lê Kim T và bà Nguyễn Thị C tạo lập. Năm 2016, bà T chết, bà là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà T, bà yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế thửa đất số 272 nói trên theo quy định của pháp luật. Đối với chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện, bà chỉ nghe nói lại thửa đất số 272 là do ông T và bà C tạo lập, năm 1940 ông T chết, bà C tái giá sinh ra ông Đặng Ngọc S, sau đó bà C làm giấy chuyển quyền sử dụng nhà và đất đối với thửa đất số 272 cho ông S. Bà không cung cấp được giấy chứng tử của ông T và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh thửa đất số 272 do ông T và bà C tạo lập.

- Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Lê Công M trình bày: Ông là cháu ngoại của bà Lê Thị T, trước đây, bà T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ số

26 do ông Lê Kim T và bà Nguyễn Thị C tạo lập. Năm 2016, bà T chết, ông là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà T, ông yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế thửa đất số 272 nói trên theo quy định của pháp luật. Đối với chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện, ông chỉ nghe nói lại thửa đất số 272 là do ông T và bà C tạo lập, năm 1940 ông T chết, bà C tái giá sinh ra ông Đặng Ngọc S, sau đó bà C làm giấy chuyển quyền sử dụng nhà và đất đối với thửa đất số 272 cho ông S. Ông không cung cấp được giấy chứng tử của ông T và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh thửa đất số 272 do ông T và bà C tạo lập.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Ngọc S trình bày:

Thửa đất số 272, tờ bản đồ 26 bản đồ địa chính xã Ninh Bình, có diện tích 730m^2 tại thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế, ông không rõ nguồn gốc. Từ nhỏ ông ở với bà C. Năm 1982, vợ chồng ông xây dựng căn nhà trên thửa đất số 272. Năm 1983, tại cuộc họp gia đình, ông S, bà T, bà C và ông có ý kiến giao phần tài sản đó cho ông S nhưng ông S không đồng ý và có ý kiến giao cho ông. Năm 1996, bà C đã lập giấy chuyển quyền sử dụng nhà và đất cho ông, khi đó bà T có ký vào giấy và không có ý kiến gì, UBND xã B đã ký xác nhận và vợ chồng ông đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Đặng Ngọc S và bà Trần Thị Thanh T số C 0954431 ngày 03/12/1996. Do đó ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế thửa đất nói trên.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh T là ông Trần Đức Q trình bày: Thửa đất số 272 nói trên mà bà Lê Thị T tranh chấp yêu cầu chia thừa kế là của bà Nguyễn Thị C tạo lập, sau đó bà C làm giấy chuyển quyền sử dụng nhà và đất cho ông S. Vợ chồng ông S và bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 272, do đó bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Ngọc H trình bày: Căn nhà trên thửa đất số 272 là của cha mẹ của ông là ông S và bà T cho vợ chồng của ông ở. Việc tranh chấp thừa kế của bà T với ông S thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thon T trình bày: Căn nhà trên thửa đất số 272 là của cha mẹ chồng của bà là ông S và bà T cho vợ chồng của bà ở. Việc tranh chấp thừa kế của bà T với ông S thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Đặng Ngọc H là đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Ngọc T trình bày: Căn nhà hiện tại vợ chồng bà T và ông S đang ở là do cha mẹ là ông S và bà T xây dựng cho vợ chồng ở. Việc tranh chấp thừa kế của bà T với ông S thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công Đ có đơn xin vắng mặt nhưng theo lời khai có trong hồ sơ, ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp

luật về tranh chấp di sản thừa kế giữa bà T và ông S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ 26 tại thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bên nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh được thửa đất số 272, tờ bản đồ 26 tại thôn T, xã Blà của ông T và bà C để lại đồng thời cũng không cung cấp được giấy chứng tử của ông Lê Kim T nên không có cơ sở xác định thời điểm mở thừa kế của ông T. Đối với di sản thừa kế của bà C, năm 1996, bà C đã lập giấy chuyển quyền sử dụng nhà và đất đối với thửa đất số 272 cho ông S. Năm 2005, bà Côi chết, do đó thửa đất số 272 không còn là tài sản thừa kế của bà C, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng, vì yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Bên nguyên đơn cho rằng thửa đất số 272, tờ bản đồ 26 bản đồ địa chính xã B, có diện tích 730m^2 (theo bản vẽ diện tích hiện trạng là 729m^2) tại thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa do ông Lê Kim T và bà Nguyễn Thị C tạo lập. Năm 1940, ông T chết, bà C chung sống với người chồng khác sinh ra ông Đặng Ngọc S.

Năm 1996, khi bà C lập giấy chuyển quyền sử dụng nhà và đất đối với thửa đất số 272 nói trên cho ông Đặng Ngọc S, bà Lê Thị T có ký vào giấy chuyển quyền đó và không có ý kiến gì. Sau khi bà C chết thì bà T khởi kiện. Kèm theo đơn khởi kiện, bà T có cung cấp công văn số 1021/UBND ngày 24/8/2011 của UBND thị xã N về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Lê Thị T, nội dung công văn thể hiện "Nguồn gốc thửa đất ghi trong đơn là đất cha mẹ cho năm 1996 có giấy tờ. Các giấy tờ kèm theo đơn đăng ký có giấy chuyển quyền sử dụng đất và nhà của Nguyễn Thị C (là mẹ ruột ông S được UBND xã B xác nhận ngày 14/8/1996). Như vậy về hồ sơ và trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Ngọc S là đúng quy định của pháp luật".

Khi khởi kiện, nguyên đơn bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất số 272 nói trên là tài sản do ông T và bà C tạo lập. Sau khi bà T chết, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp pháp.

- Bị đơn ông S cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 272, tờ bản đồ 26 là do cha mẹ cho có giấy tờ, được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 0954431 ngày 03/12/1996 đứng tên hộ ông Đặng Ngọc S và bà Trần Thị Thanh T. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn không có ý kiến gì về giấy chuyển quyền sử dụng nhà và đất đối với thửa đất số 272 nói trên do bà C lập năm 1996 cho ông Đặng Ngọc S và cũng không có ý kiến gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho vợ chồng ông Đặng Ngọc S và bà Trần Thị Thanh T.

2. Về thời gian chết của ông Lê Kim T:

Bên nguyên đơn cho rằng ông Lê Kim T chết năm 1940. Tòa án đã ra thông báo cung cấp chứng cứ, yêu cầu ông Lê C cung cấp giấy chứng tử của ông Lê Kim T và hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm ông Lê Trung S và bà Lê Thị D. Tuy nhiên, ông C chỉ cung cấp bản photo Tổ quốc ghi công của bà Lê Thị D, không cung cấp được giấy chứng tử của ông T và ông S. Đồng thời theo biên bản xác minh ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã N tại UBND xã B thể hiện: "Ông Lê Kim T chết năm nào địa phương không nắm rõ vì trong sổ bộ lưu tài liệu về đăng ký chứng tử thì không có trường hợp nào tên Lê Kim T". Theo lời khai của bà Lê Thị Ái L và ông Lê Công M thì ông bà không cung cấp được giấy chứng tử của những người nói trên.

Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó".

Theo quy định trên, nếu ông Tùng chết năm 1940 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản không còn, do đó bà T hay những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà T cũng không có quyền yêu cầu chia di sản của ông T để lại.

Bên nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh thời điểm chết của ông T để xác định thời điểm mở thừa kế, đồng thời cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất 272 là do ông T và bà C tạo lập, do đó Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để xem xét thời điểm mở thừa kế của ông T đồng thời cũng không có chứng cứ chứng minh di sản ông T để lại.

3. Về di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị C:

Năm 1996, bà C đã lập giấy chuyển quyền sử dụng nhà và đất đối với thửa đất số 272 nói trên cho ông Đặng Ngọc S, sau đó vợ chồng ông S được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 0954431 ngày 03/12/1996 đối với thửa đất số 272. Năm 2005, bà C chết, thửa đất số 272 bà C đã cho ông S trước khi chết, do đó thửa đất số 272 không còn là di sản thừa kế của bà C.

4. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, bên nguyên đơn đều không chứng minh được thửa đất số 272, tờ bản đồ 26 tại thôn T, xã B là của ông T và bà C để lại, đồng thời bà C đã lập giấy chuyển quyền sử dụng nhà và đất cho ông S vào năm 1996, do đó thửa đất số 272 không còn là di sản thừa kế của bà C. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ 26 bản đồ địa chính xã B, có diện tích 730m^2 (diện tích hiện trạng là 729m^2) tại thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 729m^2 x 27.000 đồng/m^2 x 5% = 984.150 đồng, được trừ vào 600.000 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số AB/2010/0000414 ngày 13/7/2012 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn tiếp tục liên đới nộp 984.150 đồng – 600.000 đồng = 384.150 đồng án phí dân sự sơ thẩm, trong đó mỗi người phải nộp 384.150 đồng : 11 = 34.922 đồng.

Về chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ và định giá tài sản, vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn phải chịu chi phí 2.432.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp xong khoản tiền 2.432.000 đồng nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn không phải nộp nữa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 611; Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQU14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ 26 bản đồ địa chính xã B, có diện tích 730m^2 (diện tích đo đạc hiện trạng là 729m^2) tại thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (kèm theo sơ đồ bản vẽ).

2. Về án phí: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Lê C, bà Lê Thị D, ông Lê T, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị H, ông Lê H, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H2, bà Lê Hòa B, bà Lê Thị Ái L, ông Lê Công M phải chịu 984.150 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 600.000 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số AB/2010/0000414 ngày 13/7/2012 của chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn nói trên tiếp tục liên đới nộp 384.150 đồng án phí dân sự sơ thẩm, trong đó mỗi người phải nộp 34.922 đồng.

Quyền kháng cáo: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo

bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
-VKSND thị xã N;
-Chi cục THADS thị xã N;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hướng